

TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10/03/2023

*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa
chị N và anh Đ*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung

2. Ông Trương Thanh Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 587/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ năm 1996. Trước khi kết hôn chị và anh Đ có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị về làm dâu nhà anh Đ ngay. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến khi sinh con đầu lòng năm 1997 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nhưng vì con cái chị vẫn chịu đựng. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ ngày càng trở lên trầm trọng, nhiều lần anh Đ còn đánh đập

chị. Nguyên nhân do anh Đ mỗi lần uống rượu về lại mắng chửi, đánh đập chị. Chị và anh Đ ly thân từ tháng 01/2022 đến nay, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Đ sinh được 03 con chung là Nguyễn Thị K, sinh năm 1997; Nguyễn Thị H, sinh năm 1999 và Nguyễn Quốc X, sinh ngày 20/03/2010. Đối với cháu K và cháu H đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu X đã trên 07 tuổi, ở với ai do cháu quyết định, chị tôn trọng nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn Đ, nhưng anh Đ không cung cấp cho Tòa án bản tự khai và bất cứ tài liệu, chứng cứ gì. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại các phiên tòa anh Đ đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán thực hiện đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung, giao cho anh Đ nuôi con là Nguyễn Quốc X. Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt lần thứ ba không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn khởi kiện, chị Vũ Thị N xác định chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn từ năm 1996, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng. Quá trình tố tụng, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được xác định chị Vũ Thị N, anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lục Nam theo số 17 ngày 08/05/2017. Tại phiên tòa, chị N cũng xác nhận là do thời gian quá lâu nên chị không nhớ, nay chị khẳng định chị và anh Đ có đăng ký kết hôn. Vì vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn Đ là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu chị N và anh Đ chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị N và anh Đ sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và anh kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm

đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn Đ đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị Vũ Thị N ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn Đ sinh được 03 con chung là Nguyễn Thị K, sinh năm 1997; Nguyễn Thị H, sinh năm 1999 và Nguyễn Quốc X, sinh ngày 20/03/2010. Đối với con chung là Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị H đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét; cháu Nguyễn Quốc X đang ở với anh Đ, vẫn ngoan, phát triển bình thường, cháu có nguyện vọng được ở với anh Đ, chị N đồng ý. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Nguyễn Quốc X cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Vũ Thị N ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi con là Nguyễn Quốc X, sinh ngày 20/03/2010. Chị Vũ Thị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0014211 ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về kháng cáo:* Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã H;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân